

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1073/2020/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Trần Nhật H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 1488/5/7/2A đường 30 tháng 4, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 222G/4 Khu phố 7, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nhật H và bà Nguyễn Ngọc T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Trần Nhật H và bà Nguyễn Ngọc T xác định có 01 con chung tên là Trần Ngọc T My, sinh ngày 22-01-2011. Trên cơ sở thỏa thuận của ông H và bà T (thống nhất với nguyện vọng của con): Bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu My. Ông H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về Lệ phí Tòa án: Ông H và bà T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ

thảm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nhật H và bà Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn

- Về con chung: Ông Trần Nhật H và bà Nguyễn Ngọc T có 01 con chung tên là Trần Ngọc T My, sinh ngày 22-01-2011. Trên cơ sở thỏa thuận của ông H và bà T (thống nhất với nguyện vọng của con): Bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu My. Ông H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông H và bà T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thảm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0007309 và biên lai số 0007310 ngày 24-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông H và bà T đã nộp xong lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thảm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- TAND tỉnh BR-VT;
- UBND P12, TP.VT;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Mai

